TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/DS-ST
Ngày 10 tháng 8 năm 2018
Về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ DUYÊN

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà LÊ NGỌC TRẦM

2/ Bà VÕ THỊ SON

- Thư ký phiên tòa: Bà LÊ THỊ HOÀNG YẾN - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà NGUYỄN THỊ HUỲNH NHƯ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2018 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị Ngọc I**, sinh năm 1963 - (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 15A, Tổ 45, Hẻm 71, tỉnh lộ 781, ấp Long Mỹ, xã Long Thành Bắc, huyện H, tỉnh T.

** Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 11/4/2018):*

Anh **Diệp Văn C**, sinh năm 1987; địa chỉ: Số nhà 56, đường số 24 Bời Lời, khu phố Ninh Trung, phường Ninh Sơn, thành phố T, tỉnh T - (có mặt).

- *Đồng bị đơn:*

+ Chị **Lê Thị Mỹ N**, sinh năm 1982 - (có đơn đề nghị xử vắng mặt)

+ Anh **Huỳnh Tấn L**, sinh năm 1978 - (vắng mặt không có lý do)

Cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 58 đường Nguyễn Thái Học, Khu phố 4, Phường 2, thành phố T, tỉnh T. Chị N đang công tác tại Trường THPT Lý Thường Kiệt, địa chỉ: Số 354 đường Lý Thường Kiệt, Khu phố 4, thị trấn H, huyện H, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2018 của bà Võ Thị Ngọc I và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của bà I là anh Diệp Văn C trong quá trình thu thập chứng cứ thể hiện như sau:

Do quen biết nên ngày 23/6/2014 bà I có cho chị N, anh L vay 150.000.000 đồng, chị N và anh L đều có ký tên vào giấy nợ, số nợ này đã trả xong. Ngày 13/9/2015 bà I tiếp tục cho vợ chồng chị N, anh L vay số tiền 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng), không thế chấp tài sản gì và cũng không tính lãi, mục đích vay tiền để chị N, anh L làm ăn, thời hạn trả nợ là 02 năm, chị I có viết và ký tên trong giấy nợ, viết luôn họ tên của chồng là Huỳnh Tấn L nói là để anh L ký sau, bà I có thông báo cho anh L biết đã đưa cho chị N vay số tiền này và kêu anh L ký tên vào giấy nợ nhưng anh L không chịu ký tên. Từ khi vay tiền đến nay chị N, anh L chưa trả cho bà I số tiền nào.

Nay anh C yêu cầu vợ chồng chị N, anh L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà I số tiền gốc là 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

**** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải cùng ngày 21 tháng 6 năm 2018 chị Lê Thị Mỹ N trình bày:***

Chị N là học trò của bà I. Chị thừa nhận từ năm 2011 có vay tiền của bà I nhiều lần, vay rồi trả nhiều đợt, không thế chấp tài sản, thỏa thuận cứ 1.000.000 đồng mỗi ngày 3.000 đồng tiền lãi, chị cho người khác vay lại tính lãi 3.500 đồng, chị hưởng tiền lãi chênh lệch. Tính đến ngày 13/9/2015 cộng sổ thì chị còn nợ bà I tổng cộng 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng), chị có viết giấy nợ đưa cho bà I giữ, việc chị vay tiền của bà I chồng của chị là anh Huỳnh Tấn L cũng biết. Chỉ có một mình chị giao dịch vay tiền và nhận tiền của bà I, anh L không đi cùng và cũng không có nhận tiền vay, sau khi chốt nợ 570.000.000 đồng bà I có kêu anh L đến để ký tên vào giấy nợ này. Sau đó anh L cũng có đến nhà bà I nhưng không thừa nhận số nợ này nên không đồng ý ký tên vào giấy nợ. Năm 2015 chị bị vỡ nợ không còn khả năng trả nợ, chị có báo cho bà I biết để lấy tài sản của chị khấu trừ nợ nhưng bà I không chịu lấy nên đến nay chị chưa trả cho bà I số tiền nào. Từ năm 2015 đến nay chị và anh L đã sống ly thân nhưng chưa ly hôn nên chị đồng ý nhận Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh L và cam kết giao lại cho anh L.

Chị N cho rằng số nợ này không phải là nợ chung của vợ chồng, nên chị đồng ý nhận trách nhiệm trả cho bà I số tiền 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng), không yêu cầu anh L liên đới cùng chị trả số nợ này cho bà I.

Trong quá trình thu thập chứng, Tòa án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho anh L thông qua chị N nhưng anh L không lần nào có mặt. Do đó, Tòa án không tiến hành lấy lời khai của anh L được.

Tại phiên tòa, anh C trình bày khi vay tiền hai bên có thỏa thuận miệng tính lãi suất là 1%/ tháng nhưng do bị vỡ nợ nên chị N, anh L chưa trả cho bà I số tiền gốc, lãi nào, anh yêu cầu chị N và anh L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà I số tiền gốc 570.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Chị N, anh L vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà I, buộc chị N và anh L cùng có nghĩa vụ trả cho bà I số tiền gốc 570.000.000 đồng, ghi nhận bà I không yêu cầu tính tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N và anh L là đồng bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa, chị N có đơn đề nghị xử vắng mặt, anh L vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh L.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 13/9/2015 chị N thừa nhận có vay của bà I số tiền 570.000.000 đồng, do chị N không trả tiền cho bà I là vi phạm về nghĩa vụ thanh toán nên bà I khởi kiện. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Về nội dung vụ án: Chị N thừa nhận hiện còn nợ bà I số tiền gốc 570.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 13/9/2015, nhưng cho rằng chỉ có mình chị giao dịch với bà I vay tiền để cho người khác vay lại nên không phải là nợ chung của vợ chồng, do đó chị tự nhận trách nhiệm trả, không yêu cầu anh L có nghĩa vụ liên đới cùng chị trả nợ cho bà I. Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng anh L vẫn không có mặt nên không thu thập được lời khai của anh L.

Xét việc bà I yêu cầu chị N và anh L cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà thấy rằng: Mặc dù chỉ có chị N giao dịch vay số tiền 570.000.000 đồng của bà I, anh L không vay tiền và cũng không ký tên trong giấy nợ, nhưng chị N thừa nhận là anh L có đến nhà bà I và cũng biết số nợ này nhưng không đồng ý ký tên vào giấy nợ; tại thời điểm chị N vay tiền của bà I thì chị N và anh L vẫn đang chung sống vợ chồng hợp pháp đến nay anh chị chưa ly hôn, số tiền vay chị N sử dụng vào mục đích cho người khác vay lại hưởng tiền lãi chênh lệch để lo cho cuộc sống chung của gia đình, trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, anh L cũng không có ý kiến gì. Do đó, xác định đây là nợ chung của vợ chồng, nên cần buộc chị N và anh L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà I số tiền gốc 570.000.000 đồng là có cơ sở, ghi nhận bà I không yêu cầu tính tiền lãi.

Chị N và anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ngọc I đối với chị Lê Thị Mỹ N và anh Huỳnh Tấn L.

Buộc chị Lê Thị Mỹ N và anh Huỳnh Tấn L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Ngọc I số tiền gốc 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng). Ghi nhận bà I không yêu cầu chị N và anh L trả tiền lãi.

Kể từ ngày bà I có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị N, anh L không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng chị N, anh L còn phải trả cho bà I số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự: Chị Lê Thị Mỹ N và anh Huỳnh Tấn L phải chịu 26.800.000 đồng (hai mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T hoàn trả cho bà Võ Thị Ngọc I số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.400.000 đồng (mười ba triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019776 ngày 17 tháng 4 năm 2018.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bà Võ Thị Ngọc I biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Lê Thị Mỹ N và anh Huỳnh Tấn L vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP (D).